

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÙ ĐĂNG
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **31/2021/HNGĐ – ST**

Ngày: 13/5/2021

"V/v: Ly hôn"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÙ ĐĂNG, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Phương Hạnh

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông Nguyễn Đăng Bảy;

2/ Ông Nguyễn Quang Liêu;

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Quốc Hải – Là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa: Bà Mai Thị Thanh Tâm – Kiểm sát viên

Trong ngày 13 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bù Đ, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 19/2021/TLST - HNGĐ ngày 08 tháng 01 năm 2021, về việc “Ly hôn”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2021/QĐST – HNGĐ ngày 12 tháng 4 năm 2021 giữa:

- Nguyên đơn: Chị Trần Thị H, sinh năm: 1980

Nơi cư trú: Khu Tân H, TT.Đức P, huyện Bù Đ, tỉnh Bình Phước

- Bị đơn: Anh Phan Văn Đ, sinh năm: 1978

Nơi cư trú: Khu Tân H, TT Đức Ph, huyện Bù Đ, tỉnh Bình Phước

(Nguyên đơn có mặt; Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 03 tháng 01 năm 2021 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Trần Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Phan Văn Đ tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Đức Ph, huyện Bù Đ, tỉnh Bình Phước theo giấy đăng ký kết hôn số 16/2003, ký ngày 25/02/2003. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc. Tuy nhiên, đến khoảng năm 2010 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do quan niệm sống và cách nhìn nhận cuộc sống không hòa hợp. Mặt khác, anh Phan Văn Đ thường xuyên rượu chè, không chăm lo cuộc sống gia đình, không có sự thông cảm, chia sẻ công việc trong gia đình cũng như những áp lực trong cuộc sống. Ngoài ra, mỗi lần say xỉn anh Phan Văn Đ thường mắng chửi xúc phạm chị và có hành vi bạo lực gia đình với chị. Chị đã yêu cầu ly hôn một lần nhưng lại rút đơn để anh Phan Văn Đ có cơ hội sửa chữa nhưng anh Phan Văn Đ vẫn không thay đổi mà càng làm cho tình trạng mâu thuẫn của vợ chồng càng trầm trọng hơn. Nay chị không còn tình cảm, nhận thấy mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu ly hôn với anh Phan Văn Đ.

Về nuôi con chung: Chị và anh Phan Văn Đ có 02 con chung tên là Phan Trần Hoài Tr sinh ngày 26/3/2004 và Phan Minh Tr sinh ngày 29/4/2009. Sau khi ly hôn chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng hai cháu.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị không yêu cầu giải quyết

Về chia tài sản chung: Chị và anh Phan Văn Đ tự thỏa thuận nên không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Chị và anh Phan Văn Đ tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Phan Văn Đ vắng mặt tại phiên tòa nhưng quá trình giải quyết vụ án anh Phan Văn Đ trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh nhất trí với lời khai về thời gian chung sống và đăng ký kết hôn của chị Trần Thị H. Anh xác nhận trong thời gian chung sống vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn gia đình, có một phần nguyên nhân là do anh hay uống rượu cùng bạn bè, thiếu sự quan tâm chăm sóc gia đình. Tuy nhiên, vợ chồng vẫn chung sống bình thường, không xảy ra cãi vã và xô xát như chị Trần Thị H khai nhận. Nay anh vẫn còn yêu thương chị Trần Thị H và các con nên mong muốn đoàn tụ gia đình.

Về nuôi con chung: Anh nhất trí với lời khai của chị Trần Thị H về con chung. Trường hợp Tòa án chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Trần Thị H thì anh đồng ý với nguyện vọng của chị Trần Thị H, đồng ý giao hai cháu cho chị Trần Thị H trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh không yêu cầu giải quyết

Về chia tài sản chung: Anh và chị Trần Thị H tự thỏa thuận nên không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Anh và chị Trần Thị H tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đ, tỉnh Bình Phước phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm nghị án. Tại phiên tòa, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai, nhưng vắng mặt không có lý do nên Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, căn cứ vào Điều 51, Điều 56 của Luật hôn nhân gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn chị Trần Thị H.

Về nuôi con chung: Căn cứ Điều 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014 giao Phan Trần Hoài Tr sinh ngày 26/3/2004 và Phan Minh Tr sinh ngày 29/4/2009 cho chị Trần Thị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Về cấp dưỡng: Không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết.

Về chia tài sản chung: Chị Trần Thị H, anh Phan Văn Đ không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết.

Về nợ chung: Chị Trần Thị H, anh Phan Văn Đ không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời khai của các đương sự và kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Phan Văn Đ (là bị đơn) đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt lần thứ hai không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Theo quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt anh Phan Văn Đ.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị H và anh Phan Văn Đ đều khai nhận anh chị có đăng ký kết hôn và đã được Ủy ban nhân dân thị trấn Đức Ph, huyện Bù Đ, tỉnh Bình Phước cấp giấy đăng ký kết hôn số 16/2003, ký ngày 25/02/2003. Lời khai của chị Trần Thị H và anh Phan Văn Đ phù hợp với Giấy chứng nhận kết hôn đã được giao nộp hợp pháp (bút lục số 08). Khoản 1 Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình quy định: *“Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch”*. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị Trần Thị H và anh Phan Văn Đ là hợp pháp.

[3] Về yêu cầu giải quyết ly hôn: Chị Trần Thị H khai nhận vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc nên chị Trần Thị H yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn. Anh Phan Văn Đ mong muốn được hàn gắn đoàn tụ gia đình. Xét, chị Trần Thị H khai nhận anh Phan Văn Đ thường xuyên rượu chè với bạn bè, không dành thời gian quan tâm, chăm sóc gia đình, không có sự chia sẻ trong công việc cũng như cuộc sống. Sự việc này đã diễn ra trong một thời gian dài làm chị nhận thấy hôn nhân của anh chị không hạnh phúc. Anh Phan Văn Đ xác nhận lời khai này của chị Trần Thị H (bút lục số 35). Tại khoản 1 Điều 19 của Luật Hôn nhân và Gia đình quy định: *“Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; Cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình”*. Như vậy, anh Phan Văn Đ đã vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của người chồng.

Xét, anh Phan Văn Đ có nguyện vọng đoàn tụ gia đình. Hội đồng xét xử thấy, vào ngày 05/01/2021 chị Trần Thị H nộp đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng yêu cầu giải quyết ly hôn. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã cho các bên một khoảng thời gian để khắc phục mâu thuẫn. Tuy nhiên, anh Phan Văn Đ vẫn tiếp tục uống rượu say xỉn (qua biên bản v/v cung cấp tài liệu, chứng cứ tại bút lục số 21a). Điều này thể hiện anh Phan Văn Đ không có thiện chí cải thiện quan hệ hôn nhân giữa anh và chị Trần Thị H. Do đó không đủ cơ sở chấp nhận nguyện vọng đoàn tụ của anh Phan Văn Đ.

Tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình quy định: *“Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích*

của hôn nhân không đạt được”. Như vậy, có đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Trần Thị H đối với anh Phan Văn Đ.

[4] Về nuôi con chung: Chị Trần Thị H và anh Phan Văn Đ khai nhận vợ chồng có 02 con chung tên là Phan Trần Hoài Tr sinh ngày 26/3/2004 và Phan Minh Tr sinh ngày 29/4/2009. Lời khai của chị Trần Thị H và anh Phan Văn Đ phù hợp với giấy khai sinh đứng tên Phan Trần Hoài Tr và Phan Minh Tr đã được giao nộp hợp pháp. Chị Trần Thị H có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng hai cháu. Anh Phan Văn Đ đồng ý yêu cầu của chị Trần Thị H. Xét, cháu Phan Minh Tr là bé trai đang ở lứa tuổi dạy thì, còn cháu Phan Trần Hoài Tr gần 18 tuổi là độ tuổi có nhiều thay đổi về tâm sinh lý cần sự chăm sóc, trông nom trực tiếp thường xuyên của cha hoặc mẹ. Quá trình giải quyết vụ án, anh Phan Văn Đ thừa nhận không dành nhiều thời gian quan tâm, chăm sóc vợ con. Như vậy, việc giao con cho anh Phan Văn Đ nuôi dưỡng không đảm bảo cho việc nuôi dưỡng, phát triển đầy đủ của hai con chung. Mặt khác, cháu Phan Trần Hoài Tr và cháu Phan Minh Tr đều có nguyện vọng được mẹ trực tiếp nuôi dưỡng. Như vậy, xuất phát từ lợi ích về mọi mặt của cháu Phan Trần Hoài Tr và cháu Phan Minh Tr theo quy định vào khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình cần giao cháu Phan Trần Hoài Tr và cháu Phan Minh Tr cho chị Trần Thị H trực tiếp nuôi dưỡng.

Anh Phan Văn Đ có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi; Có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chưa thành niên, các bên có quyền làm đơn xin thay đổi người nuôi con theo quy định của pháp luật.

[5] Về chia tài sản chung, về nợ chung: Chị Trần Thị H và anh Phan Văn Đ đều khai nhận anh chị tự thỏa thuận với nhau về tài sản chung và nợ chung không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự quy định: *“Trong vụ án ly hôn thì nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm, không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn”*. Do đó, nguyên đơn chị Trần Thị H phải nộp tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

[8] Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH16 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án ngày 30/12/2016.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị H. Chị Trần Thị H được ly hôn với anh Phan Văn Đ.

2. Về nuôi con chung: Giao Phan Trần Hoài Tr sinh ngày 26/3/2004 và Phan Minh Tr sinh ngày 29/4/2009 cho chị Trần Thị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Anh Phan Văn Đ có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi; Có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chưa thành niên, các bên có quyền làm đơn xin thay đổi người nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Phan Văn Đ, chị Trần Thị H không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết.

4. Về chia tài sản chung, về nợ chung: Chị Trần Thị H, anh Phan Văn Đ không yêu cầu giải quyết về việc chia tài sản chung và nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

5. Về án phí: Nguyên đơn chị Trần Thị H phải nộp 300.000đ tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị đã nộp trước là 300.000đ theo biên lai thu tiền số 015945 ký ngày 08 tháng 1 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bù Đ, tỉnh Bình Phước *(đã nộp xong)*.

6. Quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 13/5/2021). Đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND H.Bù Đ;
- Chi cục THADS H.Bù Đ;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Trần Thị Phương Hạnh